

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2011

B02a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.107.777.767	2.767.983.791	3.165.585.473	3.970.715.730
02	2. Các khoản giảm trừ	26.1	(235.942)	(88.034)	(1.113.138)	(1.591.144)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.107.541.825	2.767.895.757	3.164.472.335	3.969.124.586
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(669.969.239)	(1.366.565.945)	(1.737.599.658)	(1.961.463.536)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		437.572.586	1.401.329.812	1.426.872.677	2.007.661.050
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	88.392.173	176.778.159	1.215.568.664	1.264.592.167
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	28	(85.752.736)	(71.907.890)	(539.654.363)	(216.598.866)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(52.938.205)	(60.499.211)	(465.630.268)	(204.970.691)
24	8. Chi phí bán hàng		(16.841.619)	(53.766.749)	(151.317.818)	(97.472.873)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(76.250.380)	(45.870.330)	(232.223.363)	(190.206.122)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		347.120.024	1.406.563.002	1.719.245.797	2.767.975.356
31	11. Thu nhập khác	29	40.872.674	6.892.260	75.977.475	21.835.172
32	12. Chi phí khác	29	(37.486.837)	(14.719.775)	(89.017.721)	(21.283.463)
40	13. Lãi (lỗ) khác	29	3.385.837	(7.827.515)	(13.040.246)	551.709

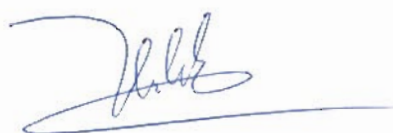
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai và các công ty con

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Quý IV năm 2011

B02a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)	Năm nay	Năm trước (Đã điều chỉnh- Thuyết minh số 31)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		350.505.861	1.398.735.487	1.706.205.551	2.768.527.065
51	15. Thuế TNDN hiện hành	30.1	(52.746.596)	(127.080.950)	(558.008.321)	(519.431.204)
52	16. Thuế TNDN hoãn lại	30.2	(32.105.154)	(216.623.666)	144.547.589	(211.095.375)
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		265.654.111	1.055.030.871	1.292.744.819	2.038.000.486
	Phân bổ cho:					
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		41.312.039	97.874.353	135.193.517	33.336.241
	17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		224.342.072	957.156.518	1.157.551.302	2.004.664.245
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)		480	2.158	2.477	4.694



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng

Ngày 17 tháng 2 năm 2012



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc